Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
Tầng 6, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội
T: (024) 3938.8855 F: (024) 3938.8500

VietinBank CAPITAL

BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ
NĂM 2018

1. THÔNG TIN VỀ QUỸ

Tên của quỹ: Quỹ đầu tư trái phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam (Viết tắt: VTBF)

Loại hình quỹ: Quỹ mở

Mục tiêu đầu tư của quỹ:

Quỹ hướng tới mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận đồng thời bảo toàn vốn cho Nhà đầu tư thông qua việc đầu tư vào các loại tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ tám mươi phần trăm (80%) giá trị tài sản ròng trở lên.

Thời hạn hoạt động của quỹ (nếu có): Không xác định

Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio) (nếu có): Quỹ không có danh mục đầu tư tham chiếu

Chính sách phân chia lợi nhuận:

Việc phân chia lợi nhuận của Quỹ cho Nhà đầu tư sẽ do Công ty Quản lý Quỹ đề xuất trên cơ sở các báo cáo tài chính đã kiểm toán xác nhận có đủ lợi nhuận để phân phối và được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận. Công ty Quản lý quỹ khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của Pháp luật trước khi phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư. Lợi nhuận của Quỹ sẽ không được phân phối nếu sau khi phân phối:

- Quỹ không còn đủ khả năng tài chính để thực hiện các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của mình theo quy định của Pháp luật; hoặc
- Giá trị tài sản ròng của Quỹ dưới mức tối thiểu do Pháp luật quy định

Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày 31/12/2018: 8.394.559,39 chứng chỉ quỹ

Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo (nếu có): Nội dung thay đổi Điều lệ Quỹ đã được phản ánh trong Điều lệ mới và được công bố thông tin trên website của Công ty:
http://www.vietinbankcapital.vn/vtbf-thong-bao-ve-viec-sua-doi-bo-sung-dieu-le-quy-va-ban-cao-bach/fund-info-detail-1047

Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo (nếu có): Nội dung Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư đã được và được công bố thông tin trên website của Công ty:
http://www.vietinbankcapital.vn/thong-bao-nghi-quyet-dai-hoi-nha-dau-tu-quy-vtbf-ve-viec-sua-doi-bo-sung-dieu-le-quy-vtbf-va-phuong-phap-xac-dinh-gia-tri-tai-san-rong-cua-quy-vtbf-lan-thu-nhat/fund-info-detail-1035

Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Điều 45 Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở:

Công ty Quản lý Quỹ không vi phạm các nội dung quy định tại Điều 45 Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở.

2. BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

a) Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ, cụ thể:

Danh mục đầu tư của quỹ phân bố theo loại sản phẩm (cổ phiếu, trái phiếu…) tại thời điểm 31/12/2018:

CÔNG TY TNHH MT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QU NGÂN HÀNG THNG MI C PHN CÔNG THNG VIT NAM
Digitally signed by CÔNG TY TNHH MT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QU NGÂN HÀNG THNG MI C PHN CÔNG THNG VIT NAM
Date: 2019.03.29 13:49:09 +07:00

Quỹ VTBF (tính đến 31/12/2018)	Tỷ VND	Tỷ trọng
Trái phiếu doanh nghiệp	51,74	54,67%
Cổ phiếu niêm yết	0,48	0,51%
Tiền gửi & Chứng chỉ tiền gửi	39,21	41,43%
Khác	3,21	3,39%
Tổng giá trị tài sản	**94,65**	**100,00%**

Biểu 01: Tổng tài sản quỹ VTBF
(Phân theo tài sản)

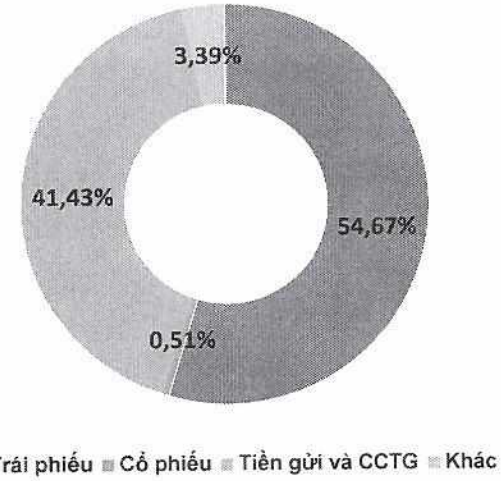

Biểu 02: Danh mục đầu tư của Quỹ VTBF - Phân bổ theo ngành (Tỷ VND)

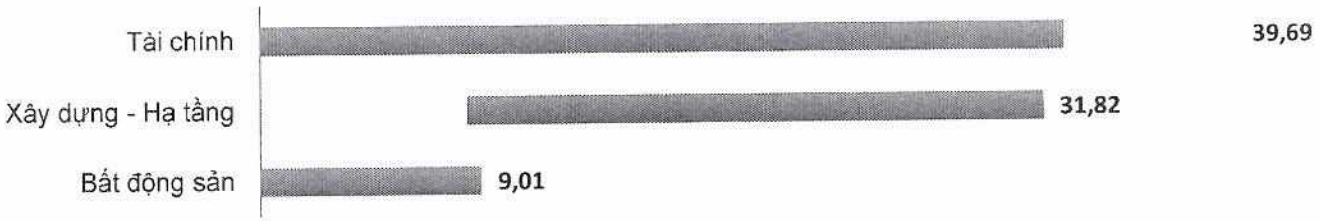

Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị CCQ (VND/CCQ)	Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành (CCQ)	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ trong kỳ (VND/CCQ)	
			Cao nhất	*Thấp nhất*
93.633.276.358	11.154,04	8.394.559,39	11.154,04	10.214,27

Biểu 03: Số lượng CCQ và NAV/1 CCQ

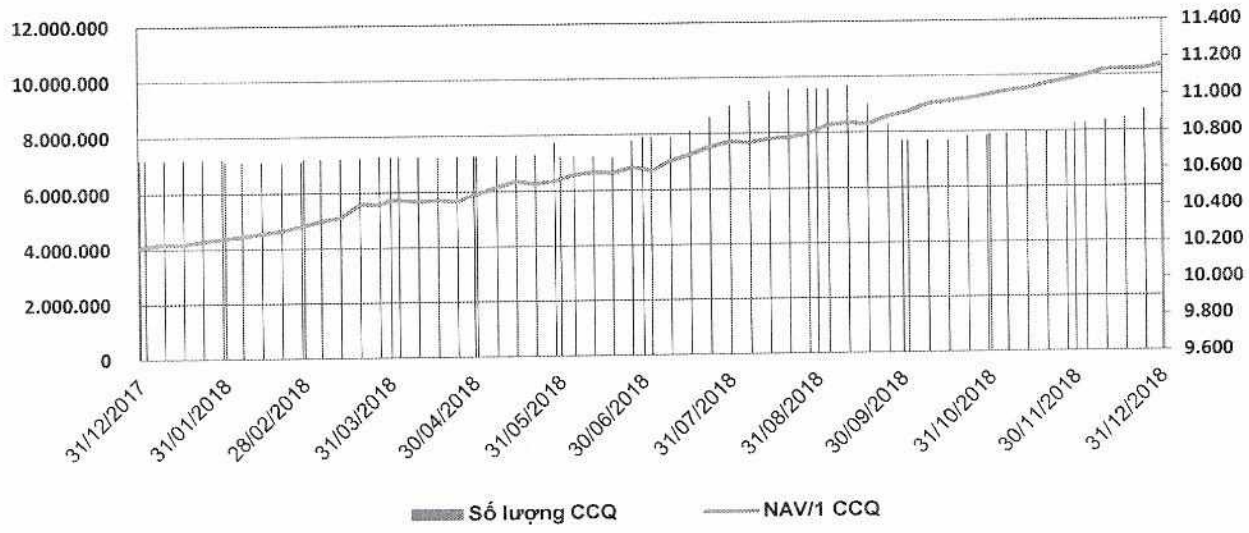

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2018 (VND)
1	Cổ tức, trái tức được nhận Dividend, Bond coupon income	3.985.845.662
2	Lãi được nhận Interest income	3.340.035.322
3	Lãi (lỗ) thực tế phát sinh từ hoạt động đầu tư Realised Gain / (Loss) from disposal of investment	1.797.385.511
4	Thay đổi về giá trị của các khoản đầu tư trong kỳ Unrealised Gain / (Loss) due to market price	(270.314.940)
	TỔNG	**8.852.951.555**

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo: Quỹ không phân phối lợi nhuận trong năm 2018.
- Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ, tốc độ vòng quay danh mục và thuyết minh về việc chênh lệch chi phí hoạt động của quỹ:

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2018
1	Tỷ lệ phí quản lý trả cho Công ty Quản lý quỹ/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ	0,51%
2	Tỷ lệ phí lưu ký, giám sát trả cho Ngân hàng Giám sát/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ	0,30%
3	Tỷ lệ phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác mà Công ty Quản lý Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ	0,40%
4	Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán (nếu phát sinh)/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ	0,10%
5	Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho ban đại diện quỹ/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ	0,36%
6	Tỷ lệ chi phí hoạt động (*)	1,66%
7	Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ	325,02%

(*) Tỷ lệ được tính toán cho khoảng thời gian 12 tháng tại ngày lập báo cáo tài chính, tổng chi phí hoạt động được sử dụng để tính toán là số liệu ước tính cho cả năm dựa trên kết quả hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến 31/12/2018

b) Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ:

Chỉ tiêu	Từ ngày 06/09/2017 đến 31/12/2017 (VND)	Từ ngày 01/01/2018 đến 31/12/2018 (VND)
Lợi nhuận chưa phân phối	1.482.749.743	8.941.885.131

c) Các chỉ tiêu so sánh khác, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc:

Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác: Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng được quy định trong Điều lệ, Sổ tay định giá được lập bởi Công ty Quản lý quỹ, được Ban đại diện Quỹ thông qua và kiểm tra rà soát bởi Ngân hàng giám sát BIDV chi nhánh Hà Thành.

Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập: bảng báo giá chứng khoán được cung cấp bởi 3 Công ty Chứng khoán độc lập của Quỹ và được Ban Đại diện phê duyệt hàng năm.

Lưu ý: Các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

3. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ TÀI SẢN CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty Quản lý quỹ: Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
Trụ sở: Tầng 6, TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội

a) Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ (nếu có): không có

b) Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư
So với thời điểm đầu năm 2018, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ VTBF tính đến ngày 31/12/2018 đã tăng 9,24% giá trị; tương đương với mức tăng 9,24%/năm, cao hơn mức lợi nhuận kỳ vọng (không phải là tỷ suất lợi nhuận tham chiếu) của quỹ VTBF là 8%/năm.

c) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị): Quỹ không áp dụng danh mục tham chiếu, chỉ số tham chiếu.

d) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian năm (05) năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị): Quỹ không áp dụng danh mục tham chiếu, chỉ số tham chiếu.

e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ:

Trong kỳ, Quỹ tiếp tục lựa chọn cơ hội đầu tư và giải ngân thận trọng, bám sát vào chiến lược đầu tư đã đặt ra trong Bản cáo bạch, nhằm mang lại lợi nhuận dài hạn và ổn định bằng cách ưu tiên chủ yếu vào các tài sản có thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt, cơ cấu đầu tư tuân thủ theo Điều lệ và Bản cáo bạch hiện hành. Theo đó tỷ trọng các tài sản có thu nhập cố định (tiền gửi, CCTG, TPDN) tại thời điểm cuối năm chiếm trên 95% tổng tài sản của Quỹ.

Việc phân bổ tài sản trên tùy thuộc vào các cơ hội đầu tư sẵn có và đánh giá của đội ngũ đầu tư về rủi ro và lợi nhuận mang lại của các cơ hội đầu tư này đối với các loại tài sản.

f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề năm báo cáo:

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2018		31/12/2017	
		(VND)	Tỷ trọng	(VND)	Tỷ trọng
1	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở	4.205.958.430	4,44%	176.839.097	0,24%
2	Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	5.000.000.000	5,28%	1.100.000.000	1,49%
3	Cổ phiếu	483.000.000	0,51%		0,00%
4	Trái phiếu	40.846.221.761	43,15%	39.349.355.972	53,26%
5	Đầu tư khác	30.008.732.832	31,70%	32.106.500.000	43,46%
6	Tài sản khác	14.110.748.806	14,91%	1.143.148.819	1,55%
	Tổng giá trị danh mục	**94.654.661.829**	**100,00%**	**73.875.843.888**	**100,00%**

g) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này tại kỳ báo cáo gần nhất: Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại kỳ định giá đầu tiên năm 2018 vào

ngày 02/01/2018: 10.214,27 VND đã tăng thêm 9,24% giá trị và đạt 11.154,04 VND tại ngày 31/12/2018. Trong năm 2018, quỹ không phân chia lợi nhuận.

h) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo

Tình hình kinh tế vĩ mô trong năm 2018

- Năm 2018, GDP Việt Nam tăng 7,08%, đạt mức tăng cao nhất kể từ năm 2008, vượt mục tiêu 6,7% mà Chính Phủ đã đặt ra. Trong mức tăng trưởng của toàn nền kinh tế năm 2018, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,76%, đóng góp 8,7% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,85%, đóng góp 48,6%; khu vực dịch vụ tăng 7,03%, đóng góp 42,7% vào mức tăng trưởng chung.
- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2018 tăng 3,54% so với năm 2017, dưới mục tiêu Quốc hội đề ra. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2018 tăng 1,48% so với bình quân năm 2017.
- Cơ cấu kinh tế của Việt Nam tiếp tục chuyển dịch tích cực theo xu hướng giảm tỷ trọng nông, lâm nghiệp và thủy sản; tăng tỷ trọng ngành công nghiệp, xây dựng và ngành dịch vụ. Năm 2018, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 14,57% GDP; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 34,28%; khu vực dịch vụ chiếm 41,17%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 9,98%.
- Tâm lý kinh doanh vẫn rất lạc quan khi chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) luôn ở mức mở rộng. Chỉ số này tăng từ mức 51,6 điểm trong tháng 3, tăng cao 55,7 điểm trong tháng 6 và đạt 53,8 điểm trong tháng 12.
- Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 7,2 tỷ USD, là năm có giá trị xuất siêu lớn nhất từ trước đến nay, cao hơn rất nhiều mức xuất siêu 2,1 tỷ USD của năm 2017, vượt xa mục tiêu Quốc hội đề ra là tỷ lệ nhập siêu dưới 3%. Ước tính cả năm 2018, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa thiết lập mức kỷ lục mới với 482,2 tỷ USD.
- Tổng số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI đăng ký cấp mới và vốn tăng thêm trong năm 2018 đạt 35.466 triệu USD, giảm 1,2% so với cùng kỳ năm 2017. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện năm 2018 đạt 19.100 triệu USD, tăng 9,1% so với năm 2017.
- Cân đối NSNN đảm bảo tiến độ do thu NSNN đạt khá trong khi chi NSNN được kiểm soát. Bội chi NSNN năm 2018 giảm xuống dưới 3,6% GDP thực hiện, thấp hơn so với dự toán là 3,7%. Nợ công/GDP có xu hướng giảm dần trong các năm gần đây. Tỷ lệ nợ công/GDP năm 2018 giảm xuống dưới 61% GDP do tăng trưởng kinh tế khả quan.

03 lĩnh vực chính đóng góp tăng trưởng GDP 2018 là:

- Nông lâm nghiệp thủy sản (+3,76%);
- Dịch vụ (+7,03%);
- Công nghiệp xây dựng (+8,85%).

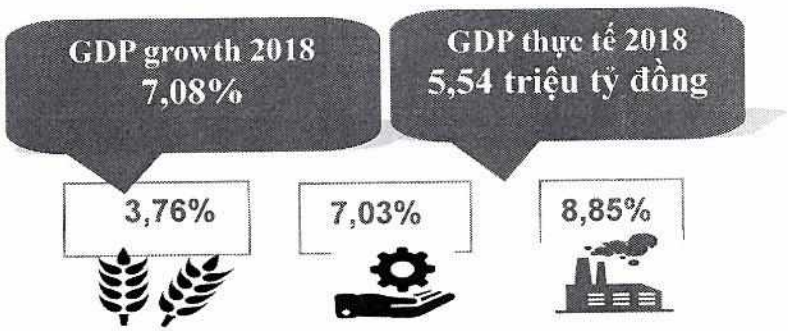

Thị trường tiền tệ

- Đến cuối năm 2018, M2/GDP đạt 168%, tăng thấp hơn so với bình quân giai đoạn 2012-2016. Tín dụng năm 2018 tăng 14-15%, thấp hơn 3-4 điểm % so với năm 2017. Tỷ lệ tín dụng/GDP đạt 134%. Hệ số chênh lệch tín dụng/GDP tăng 1,7 điểm % so với cùng kỳ năm 2017, mức

tăng thấp nhất kể từ năm 2015. Cung tiền, tín dụng đang dần được kiểm soát chặt chẽ để đảm bảo mục tiêu ổn định vĩ mô.

- Thanh khoản của hệ thống TCTD vẫn được đảm bảo mặc dù kém dồi dào hơn vào cuối năm. Hệ số LDR khoảng 87,5%, tương đương với hệ số LDR năm 2017 là 87,8%. Lãi suất qua đêm VND tăng từ mức bình quân khoảng 1,53% trong đầu năm lên khoảng 3% trong nửa cuối năm 2018.
- Lãi suất trên thị trường tiền gửi của khách hàng tổ chức kinh tế và cá nhân năm 2018 tăng so với 2017. Lãi suất tiền gửi bình quân tăng từ 5,11% năm 2017 lên 5,25% năm. Lãi suất cho vay bình quân khoảng 8,91% (năm 2017: 8,86%).
- Tỷ giá USD/VND tăng nhẹ. Tỷ giá trung tâm tăng khoảng 1,5% so với đầu năm, tỷ giá NHTM tăng khoảng 2,8% và tỷ giá thị trường tự do tăng khoảng 3,5% so với đầu năm. Nguyên nhân chủ yếu khiến tỷ giá trong nước tăng là: (i) xét yếu tố quốc tế, chỉ số USD tăng khoảng 5% so với đầu năm, tăng 9% so với mức đáy hồi tháng 2/2018; (ii) xét yếu tố cơ bản trong nước, tỷ giá vẫn chịu áp lực từ phía lạm phát song lại được hỗ trợ tích cực từ phía cân đối cung cầu ngoại tệ.

Thị trường trái phiếu sơ cấp

- Thị trường trái phiếu Chính phủ: Quy mô thị trường TPCP khoảng 27% GDP (tương đương với cuối năm 2017). Năm 2018, KBNN huy động được 165,8 nghìn tỷ đồng, đạt 95% so với kế hoạch điều chỉnh năm 2018 và tăng 4% so với năm 2017.
- Lãi suất trúng thầu TPCP tăng liên tục sau khi tạo đáy vào cuối tháng 2, đầu tháng 3 năm 2018. Đến tháng 12/2018, lãi suất trúng thầu TPCP đi ngang. Khối ngoại bán ròng 1,4 nghìn tỷ đồng TPCP do FED tăng lãi suất làm giảm chênh lệch lợi suất giữa TPCP Mỹ và Việt Nam.
- Thị trường trái phiếu doanh nghiệp: Quy mô thị trường TPDN còn nhỏ bé, chưa thực hiện tốt vai trò là kênh cung cấp vốn chủ yếu cho các doanh nghiệp, giảm gánh nặng cho tín dụng ngân hàng. Dư nợ TPDN cuối 2018 đạt khoảng 7% GDP, thấp hơn nhiều mức bình quân các nước khu vực (21% GDP), chỉ cao hơn Indonesia (2,9% GDP) và Philippines (6,5% GDP).
- Chủ thể phát hành lớn nhất trên thị trường trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) năm 2018 là các ngân hàng, nhằm đáp ứng quy định về tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn và cải thiện hệ số CAR theo lộ trình đáp ứng chuẩn Basel II. Tổng khối lượng phát hành thành công của các ngân hàng BID, CTG, VCB, MBB, VPB, VIB, HDB trong năm 2018 là gần 30 nghìn tỷ đồng, tập trung vào các kỳ hạn 5 năm, 7 năm và 10 năm.

Biểu 04: Thị trường sơ cấp

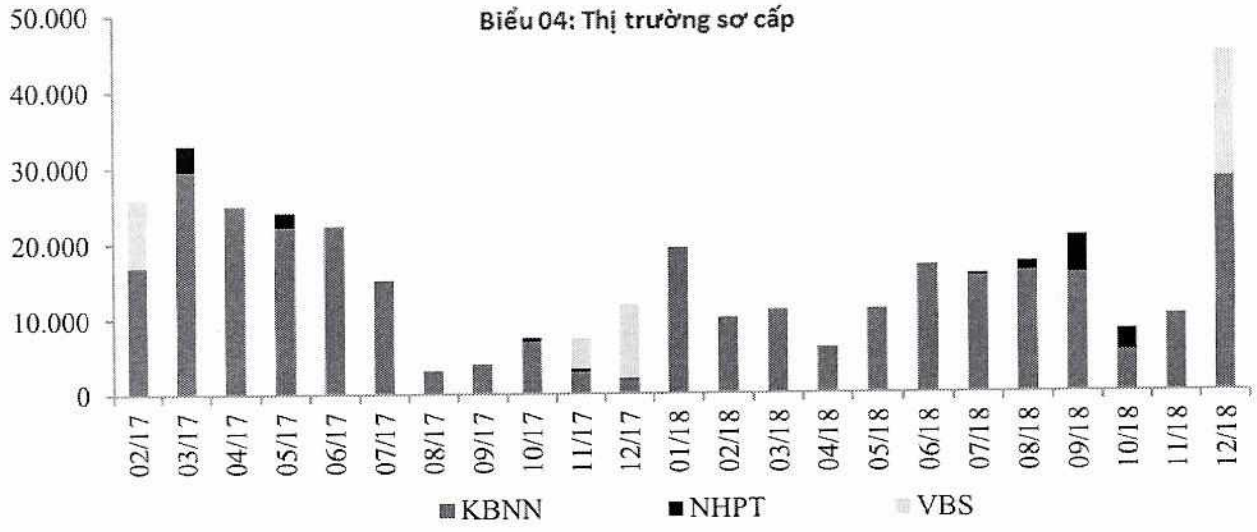

Thị trường trái phiếu thứ cấp

- Cả năm 2018, khối lượng giao dịch TPCP thứ cấp là 2.180 nghìn tỷ đồng, giảm 3,3% so với năm 2017, trong đó khối lượng giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài chỉ chiếm 4,3%. Khối này mua ròng 963 tỷ đồng trong tháng 12, và 207 tỷ đồng cho cả năm 2018, giảm mạnh so với 20.568 tỷ đồng mua ròng của năm 2017.
- Lãi suất trái phiếu thứ cấp tháng 12 dao động theo chiều hướng giảm trong biên độ 10-30 điểm cơ bản ở các kỳ hạn dưới 5 năm khiến cho đường cong lợi tức trở lên dốc hơn so với cuối tháng 11.
- Lợi tức các kỳ hạn 1 năm, 3 năm, 5 năm, 10 năm và 15 năm trong ngày giao dịch cuối cùng của năm 2018 lần lượt là 3,99%; 4.22%; 4,47%; 5,07% và 5,31%; tăng 15-41 điểm cơ bản ở các kỳ hạn dưới 10 năm, giảm 1 điểm cơ bản ở kỳ hạn 10 năm và 29 điểm cơ bản ở kỳ hạn 15 năm so với cuối năm 2017.

Biểu 05: Giao dịch Outright theo kỳ hạn

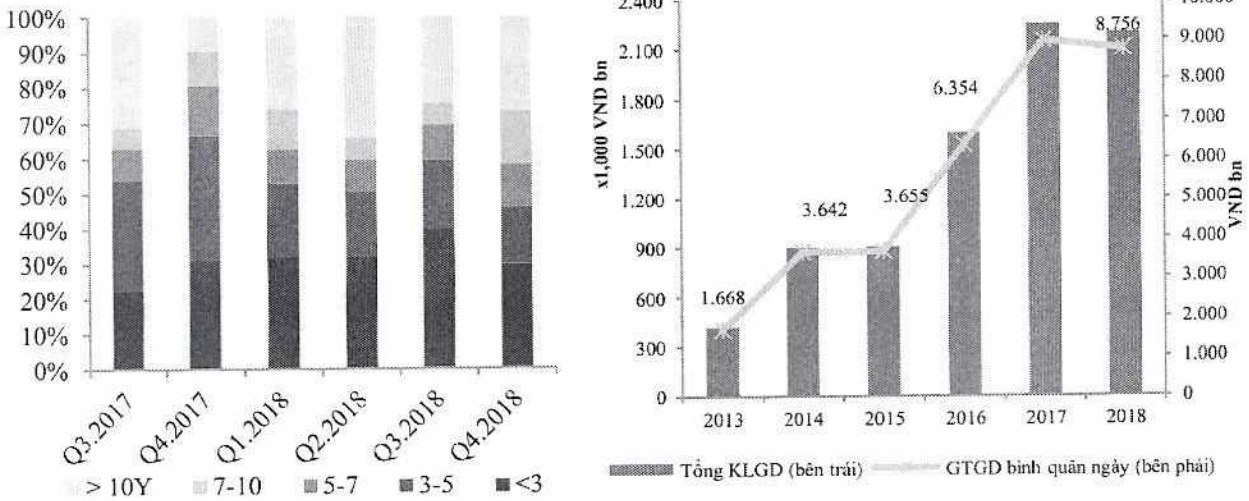

Biểu 06: Đường cong lợi suất và lợi suất trái phiếu

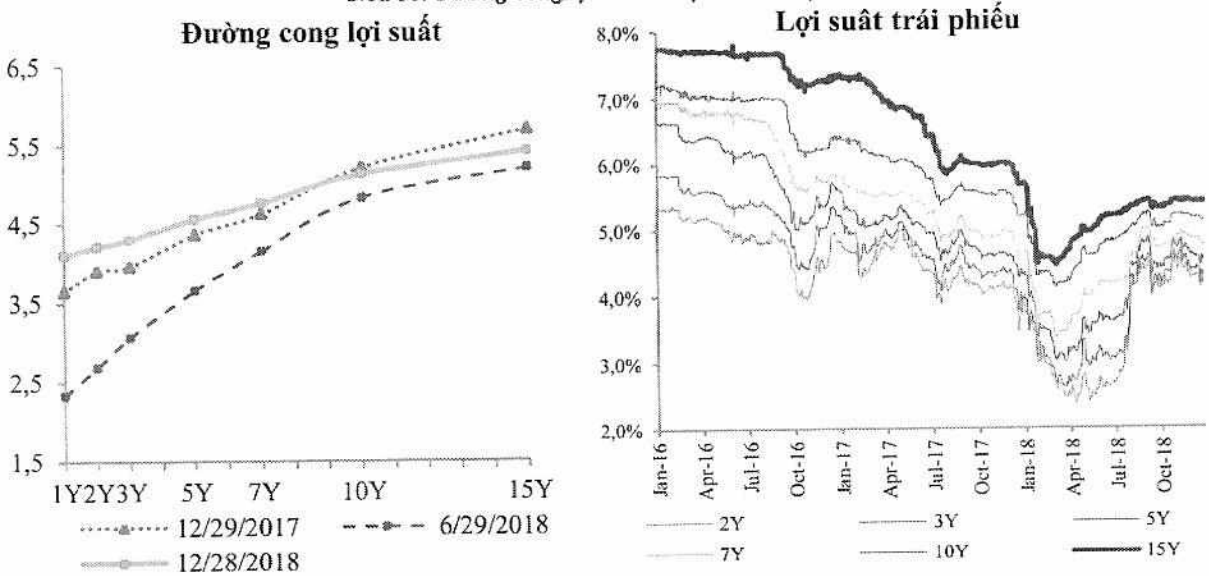

(Nguồn: Tổng hợp)

Thị trường chứng khoán

- Thị trường cổ phiếu tăng trưởng vượt bậc về quy mô. Đến 31/12/2018, giá trị vốn hóa thị trường cổ phiếu đạt khoảng 75% GDP, tăng so với cuối 2017 là 70,2% GDP.
- Cuối 2018, chỉ số VN Index giảm 5,5% so với cuối 2017. Tuy nhiên, các yếu tố vĩ mô trong nước ổn định, kinh tế tăng trưởng cao và lợi nhuận các doanh nghiệp niêm yết tăng trưởng vẫn giữ vai trò hỗ trợ cho thị trường.
- Dòng vốn ngoại vào thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2018 tích cực. Khối ngoại mua ròng khoảng 1,9 tỷ USD cổ phiếu trên sàn, tập trung vào các giao dịch thỏa thuận lớn.Tổng giá trị danh mục đầu tư của khối ngoại khoảng 35,3 tỷ USD, tăng 8,9% so với cuối năm 2017.
- Huy động vốn qua đấu giá cổ phần, thoái vốn Nhà nước đạt khoảng 40.000 tỷ đồng, giảm 67% so với năm 2017. Tiến độ cổ phần hóa, thoái vốn Nhà nước tại nhiều doanh nghiệp lớn còn chậm, chưa đạt mục tiêu đề ra (Vinalines, FPT, TCT Hàng không, Bia Hà Nội, Petrolimex...).
- Thị trường chứng khoán phái sinh Việt Nam mới vận hành từ tháng 8/2017 góp phần hoàn thiện cơ cấu thị trường vốn, tạo thêm công cụ phòng ngừa rủi ro cho nhà đầu tư. Giá trị giao dịch bình quân thị trường phái sinh đạt khoảng đạt khoảng 9.400 tỷ đồng/phiên kể từ tháng 5/2018, cao nhất đạt trên 16.000 tỷ đồng/phiên.

i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có); ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách): Không có.
k) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ: Không có.
l) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (nếu có): Không có.

4. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam –Chi nhánh Hà Thành

Địa chỉ: 74 Thợ Nhuộm, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/09/2003, thay đổi lần 10 ngày 20/05/2015.

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 510/QĐ-ĐKHĐLK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01/08/2006.

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát Quỹ Đầu tư Trái Phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong năm tài chính 2018, Quỹ Đầu tư Trái Phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam (VTBF) đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

a) Công ty TNHH MTV quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan. Tuy nhiên, tại một số kỳ định giá danh mục của quỹ VTBF có phát sinh sai lệch so với hạn chế đầu tư của quỹ, cụ thể:

- Tại kỳ định giá xác định giá trị tài sản ròng ngày 14/02/2018 và ngày 21/02/2018, tỷ lệ đầu tư vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành của quỹ VTBF lần lượt là 20.07% và 20.08% vượt quá hạn mức tối đa 20% tổng giá trị tài sản của quỹ quy định tại khoản 1.c, điều 10 của Điều lệ Quỹ và khoản 4.c, điều 15 của Thông tư 183/2011/TT-BTC;

- Tại kỳ định giá xác định giá trị tài sản ròng ngày 14/03/2018, ngày 18/04/2018, ngày 23/05/2018 và ngày 11/07/2018, tỷ lệ đầu tư vào tiền gửi, GTCG và trái phiếu chưa đảm bảo tỷ lệ 80% giá trị tài sản ròng của quỹ theo quy định tại khoản 1.a, điều 10 của Điều lệ Quỹ và khoản 17, điều 2 của Thông tư 183/2011/TT-BTC;

- Tại kỳ định giá xác định giá trị tài sản ròng từ ngày 07/11/2018 đến ngày 21/11/2018, tỷ lệ đầu tư vào trái phiếu chuẩn bị niêm yết của quỹ VTBF lần lượt là 10,002%; 10,008%; 10,001% vượt quá hạn mức tối đa 10% tổng giá trị tài sản của quỹ quy định tại khoản 1.d, điều 10 của Điều lệ Quỹ và khoản 4.e, điều 15 của Thông tư 183/2011/TT-BTC

b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ Đầu tư Trái phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

c) Phát hành và mua lại Chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

Trong kỳ, quỹ không phát sinh hoạt động phân phối lợi nhuận

5. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG ỦY QUYỀN

Dịch vụ Quản trị Quỹ:

Bên nhận ủy quyền: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam –Chi nhánh Hà Thành

Địa chỉ: số 74 Phố Thợ Nhuộm, Quận Hoàn Kiếm, Tp Hà Nội

Hoạt động nhận ủy quyền: Dịch vụ quản trị quỹ

Dịch vụ đại lý chuyển nhượng:

Bên nhận ủy quyền: Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam

Địa chỉ: số 15 Đoàn Trần Nghiệp, Quận Hai Bà Trưng, Hà nội

Hoạt động nhận ủy quyền: Dịch vụ đại lý chuyển nhượng

a) Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ: Ngân hàng BIDV chi nhánh Hà Thành nhận ủy quyền cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, xác định giá trị tài sản ròng, Trung tâm lưu ký chứng khoán VSD cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng trong kỳ.

- Chi phí trả cho dịch vụ lưu ký tài sản quỹ mở : 182.187.674 đồng
- Chi phí trả cho dịch vụ giám sát : 66.000.000 đồng
- Chi phí trả cho dịch vụ quản trị quỹ mở : 198.000.000 đồng
- Chi phí trả cho dịch vụ chuyển nhượng : 134.200.000 đồng

b) Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ: Không có

c) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền trong năm 2018 (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ:

- Tổng chi phí cho các hoạt động ủy quyền : 580.387.674 đồng.
- Tỷ lệ chi phí cho các hoạt động ủy quyền trên tổng chi phí hoạt động : 45,16%
- Tỷ lệ chi phí cho các hoạt động ủy quyền trên tổng thu nhập : 6,56%
- Tỷ lệ chi phí cho các hoạt động ủy quyền trên lợi nhuận (trước thuế): 7,78%

d) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dư phòng thảm họa... của bên nhận ủy

quyền: Các bên nhận ủy quyền có khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.

Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ NHTMCPCTVN

K/T. Tổng giám đốc
Phó Tổng giám đốc

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Nguyễn Thị Lan